TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 6 - 2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thuyên;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Nam;
Bà Lê Thị Lan;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thanh Hóa, xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 28/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1005/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1007/2026/QĐHPTST-HNGĐ ngày 28/5/2026.

Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 2002. Có đơn xin xét xử vắng mặt
CCCD số: 038xxx996, BCA cấp ngày 20/8/2022.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy H - Sinh năm 1998. Vắng mặt không có lý do.
CCCD số: 038xxx473, BCA cấp ngày 01/9/2021.
Cùng địa chỉ: Khu phố H, phường S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình giải quyết vụ án đương sự trình bày như sau:

- *Nguyên đơn chị T, trình bày*: Về hôn nhân, tôi và anh H tự nguyện tìm hiểu hôn nhân và đăng ký kết hôn năm 2021 tại UBND phường T, thành phố S, (Nay là phường S), tỉnh Thanh Hóa, sau khi cưới vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay, xét thấy cuộc sống hôn nhân đã đến mức lâm

vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn đối với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Nguyễn Duy Đăng A, sinh ngày 13/9/2021. Ly hôn tôi (T) có nguyện vọng được nuôi cháu A. Về điều kiện nuôi con, hiện nay tôi làm nghề spa chăm sóc sắc đẹp cho khách hàng mỗi tháng thu nhập từ khoảng 8 triệu đến 10 triệu đồng, kể từ khi vợ chồng ly thân hai mẹ con về sống cùng nhà với bố mẹ đẻ của tôi. Tôi đảm bảo về việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu Duy A, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Duy H:* Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã nhận được các Văn bản Tố tụng của Toà án nhưng không đến tham gia hoạt động tố tụng và cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu nào cho Tòa án, mà đều vắng mặt không có lý do.

Về xác minh tình trạng hôn nhân: Chính quyền địa phương nơi chị T và anh H cư trú cho biết, chị T và anh H đăng ký kết hôn năm 2021 tại UBND phường T, thành phố S, (Nay là phường S), tỉnh Thanh Hóa, là đúng. Quá trình hôn nhân do bất đồng quan điểm sống nên chị T làm đơn ly hôn đối với anh H. Quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án tiền hành hòa giải để chị T và anh H quay về đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái cho tốt nhưng nếu chị T cương quyết xin ly hôn đối với anh H thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo qui định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án anh H vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa mà sớm đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định pháp luật. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Duy H mặc dù đã nhận được các Văn bản Tố tụng của Toà án nhưng quá trình Toà án giải quyết vụ án không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết yêu cầu khởi kiện: Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; 35; 39; 227; 228; 144; 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H.

Về việc nuôi con: Giao cháu Nguyễn Duy Đăng A, sinh ngày 13/9/2021, cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với chị T.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình giải quyết vụ án, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử đủ căn cứ nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", các đương sự đều có nơi cư trú tại phường S, tỉnh Thanh Hóa nên vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị T: Quá trình hôn nhân giữa chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai bên không hợp, bất đồng quan điểm sống, đến nay cuộc sống hôn nhân đã đến mức lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn đối với anh H. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã trực tiếp khuyên nhủ chị T quay về đoàn tụ với anh H để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái cho tốt, nhưng chị T cương quyết xin ly hôn đối với anh H. Xét thấy, việc chị T xin ly hôn anh H là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn đối với anh H.

[3]. Về việc nuôi con: Chị T và anh H ly hôn thì giao cháu Nguyễn Duy Đăng A, sinh ngày 13/9/2021, cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi cháu A cùng với chị T. Do đo, nguyện vọng về việc nuôi cháu A của chị T là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tài sản: Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 207; 147; 227; 271; 273; 144; 147 Bộ luật tố tụng dân sự;.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T. Chị Lê Thị T được ly hôn đối với Anh Nguyễn Duy H.

Về việc nuôi con: Giao cháu Nguyễn Duy Đăng A, sinh ngày 13/9/2021, cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, theo quy định của pháp luật. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu A cùng với chị T. Anh H có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục cháu A, các thành viên bên gia đình

chị T không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0000524 ngày 21/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. (*Chị T đã nộp đủ tiền án phí).*

Về quyền kháng cáo: Chị T và Anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ khi bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSNDKV4, tỉnh Thanh Hoá;.
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND.P.Sầm Sơn, Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thuyên